

Con dê trong đời sống văn hóa Việt Nam

--- không rõ tác giả ---

Trong các vật nuôi, dê là loài có ý nghĩa tinh thần phong phú và giá trị biểu tượng cao. Nó thể hiện vai trò gần gũi mà quan trọng, tạo ra những ảnh hưởng mạnh mẽ, đa dạng, tích cực tới đời sống văn hoá của người Việt Nam.

Do được thuần dưỡng từ rất sớm, sử dụng phổ biến, liên tục, lâu dài, mang giá trị vật chất đa dạng và mặt thiết, nên dê cũng tạo ra giá trị tinh thần phong phú, ảnh hưởng sâu rộng đến tâm linh và đời sống văn hoá nghệ thuật của người Việt Nam. Nó là một trong sáu con vật nuôi thông dụng nhất (lục súc: dê, gà, chó, lợn, ngựa, trâu) và một trong ba thứ lễ vật đặc biệt để cầu cúng, tế dâng thần thánh (tam sinh: dê, lợn, bò). Trong sự kết hợp thiên can với địa chi để tính thời gian và chu kỳ phát triển, dê nhập hệ lịch can chi 12 con vật, là biểu tượng chi Mùi - một chi quan trọng, mang những ý nghĩa triết lý và nhân văn sâu sắc. Giờ Mùi kéo dài từ 13 đến 15 giờ, thời gian mở đầu buổi chiều, con người vừa ăn trưa xong, đang thanh thản nghỉ ngơi và sung mãn bước vào buổi lao động mới (giờ Mùi là thuộc dê bởi sau khi cỏ lá bị dê ăn thì vào giờ này cũng có sức tái sinh mạnh nhất). Tháng Mùi là tháng Sáu âm lịch, thời tiết sáng sủa nhất trong năm, cây cối tươi tốt, ra hoa kết quả nhiều nhất và con người cũng vừa thu hoạch xong vụ chiêm, dồi dào sinh lực. Quan niệm tín ngưỡng còn cho rằng người sinh năm Dê (tuổi Mùi) thường mưu trí, nhiệt tình, năng động, tài giỏi, thành đạt và gặp nhiều may mắn, hạnh phúc trong đời. Câu ca dao:

*Người ta tuổi Ngọ tuổi Mùi
Riêng tôi ngâm ngợi mang lấy tuổi Thân*

có ý nghĩa xuất phát từ đó.

Ngôn ngữ luôn là nền tảng của đời sống tinh thần và văn hoá con người. Trong ngôn ngữ Việt Nam, hình ảnh dê xuất hiện khá đa dạng, sinh động, hấp dẫn và đầy ngụ ý. Chúng ta gặp "dê" (dương) ở nhiều lĩnh vực ngôn từ: tự nhiên và xã hội, lý thuyết sách vở và giao tiếp thực tiễn. "Máu dê" thể hiện khả năng sinh dục mạnh mẽ; "râu dê" mô tả bộ râu rậm, dài, hơi cong; "sữa dê" nói đến sự bổ dưỡng, nguồn thu nhập lớn, mới lạ; "dê cù" ám chỉ kẻ rất dâm dăng; "thói dê" khái quát bản tính ham

chinh phục người khác giới... Dê hiện diện trong nhiều loại địa danh: từ núi đồi, sông suối, bến đảo, ga chợ đến tên lãnh thổ hành chính các cấp: làng xã Dương Xá (Hà Nội), huyện Sơn Dương (Tuyên Quang), tỉnh Bình Dương v.v... Dê vốn được dùng phổ biến làm thực phẩm và dược liệu nên tên nó cũng được đặt cho nhiều loài thực vật - nhất là những cây trồng để ăn và chế thuốc: cây tiết dê, cỏ móng dê, cà dái dê, cây sừng dê, dâm dương hoắc, dương tử tô, dương đề, toả dương...

Dê còn được lấy làm đối tượng cho hàng trăm câu ngạn ngữ, phương ngữ, tục ngữ, thành ngữ, ca dao sinh động, dân dã mà thâm thúy. "Bán bò tậu ruộng mua dê về cày" mỉa mai cách thức làm ăn trái khoáy, không biết tính toán hoặc việc bỏ vật hữu ích để chuốc lấy thứ chẳng ra gì. "Cà kê dê ngỗng" đánh giá sự kể lể tản mạn, dài dòng, huyền thuyên những chuyện lặt vặt, vớ vẩn. "Chăn dê uống tuyết" ngầm chỉ nghị lực cao, sẵn sàng chịu đựng lâu dài đối khổ, thiếu thốn, tủi nhục để giữ vững lòng trung thành hoặc thực hiện mục tiêu cơ bản của mình. "Máu bò cũng như tiết dê" nhìn nhận coi hai chuyện, hai sự việc, sự vật chẳng khác gì nhau mấy về mọi phương diện. "Giàu nuôi chó, khó nuôi dê, không nghề nuôi ngỗng" là kinh nghiệm về thời điểm chăn nuôi những con vật có ích cho điều kiện kinh tế của bản thân, gia đình hoặc xác định, lựa chọn những hoạt động phù hợp với năng lực, hoàn cảnh v.v...

Dê cũng là hình ảnh tiêu biểu đi vào văn thơ, góp phần tạo nên những tác phẩm nổi tiếng thuộc nhiều thể loại và ở mọi thời đại. Từ các áng văn chính luận sắc bén chống giặc như "Hịch tướng sĩ" (thế kỷ 13) của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (có câu "Tắc lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ") hay Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (thế kỷ 19) của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu (có câu "Hai vàng nhật nguyệt chói loà, đâu dung lũ treo dê bán chó") đến thơ ca lãng mạn trữ tình như bài "Dê con" (thế kỷ 18) của bà chúa thơ Nôm - nữ sĩ tài hoa Hồ Xuân Hương:

*Khéo khéo đi đâu lũ ngắn ngơ
Lại đây cho chị dạy làm thơ
Ông non ngựa nọc chằm hoa rữa
Dê con buồn sừng húc dậu thưa*

hay thi phẩm "Cung oán ngâm khúc" của văn thần Nguyễn Gia Thiều (có câu "*Phải duyên hương lửa cùng nhau / Xe dê lọ rắc lá dâu mới vào*") v.v... Còn trẻ em Việt Nam khi chơi trò dung dăng dung dẻ thường thuộc lòng bài đồng dao vui nhộn:

Dung dăng dung dẻ

*Dắt trẻ đi chơi
Đến cửa nhà trời
Lạy cầu lạy mợ
Cho cháu về quê
Cho dê đi học
Cho cóc ở nhà
Cho gà bới bếp
Ngồi xếp xuống đây*

Hình ảnh dê trở nên sinh động, gần gũi hơn qua những trò chơi và lễ hội truyền thống. Phổ biến mà đặc sắc nhất vẫn là trò "bịt mắt bắt dê". Trò chơi này thường tổ chức trong những ngày vui (hội đầu xuân, trung thu...) hoặc các cuộc chơi thể thao văn hoá dân dã, với cách khác nhau tùy thuộc đối tượng tham dự. Nếu là trẻ em, một em nhỏ bị bịt mắt phải đuổi bắt trong khu vực sân nhiều em khác giả làm dê vừa di chuyển vừa kêu "be, be..". Nếu là người lớn, trò chơi còn ngộ nghĩnh hơn vì con dê thực được thả vào sân, hai người (một nam, một nữ) bị bịt mắt đuổi bắt nó; cả ba đều khoác áo tơi, chân đeo lục lạc nên phát ra những âm thanh giống nhau khi chạy nhảy, khiến hai người khó phân biệt nổi, vì vậy nhiều lúc không bắt được dê mà lại... tóm ôm nhầm phải nhau, gây tiếng cười sảng khoái, thích thú cho khán giả.

Ở một lĩnh vực khác, tĩnh lặng nhưng phong phú, bền vững là hình tượng dê trong kiến trúc, tạo hình, trang trí. Dê được thể hiện khá đa dạng trên tranh, bia, miếu, đình, đền, chùa, rạp, nhà, công sở... với đủ loại chất liệu: đất, đá, vữa, bạc, đồng, gỗ, mực... và bằng nhiều kỹ thuật: tạc, đắp, nặn, xăm, chạm, khắc, đúc, nung, vẽ... Trong lục súc (trâu, gà, chó, lợn, dê, ngựa), có lẽ dê là hình tượng tiên phong xuất hiện ở các chùa chiền cổ xưa - nơi vốn thường chỉ thấy hình ảnh các loài vật linh thiêng, cao quý (rồng, hổ...). Chẳng hạn, tại bệ đá đặt tượng Phật của ba chùa Bối Khê, Trung, Quế Dương ở Hà Tây (niên đại cuối thế kỷ 14) đều có khắc hình dê vui tươi, miệng ngậm cành lộc, đầu ngoảnh về phía sau. Tại bệ đá chùa Váp ở Yên Bái cũng khắc hình dê tương tự (nhưng miệng không ngậm gì). Chùa Bút Tháp ở Bắc Ninh (niên đại đầu thế kỷ 17) hiện diện hơn 50 bức chạm nổi trên lan can đá, trong đó một bức bên trái thượng điện chạm rất tinh tế ba con dê: một con nắn nhớn nhợ trên cổ, hai con còn lại với tư thế sinh động khác nhau đang ngẩng nhìn bầu trời cao rộng có vàng dương lấp ló sau áng mây. Cùng niên đại này, tại nhiều chùa khác, còn thấy trang trí những hình tượng dê đang đùa giỡn vui nhộn (đôi khi đến mức hài hước) trên bia và khánh đá. Trong nhóm tượng đất, tượng gốm, tượng gỗ cổ truyền thường gặp bức Tô Vũ chăn dê ghi lại cảnh sứ giả nhà Hán không chịu hàng phục bạo chúa Hung Nô nên phải uống tuyết để đỡ đói khát, bị ép buộc đi chăn

dê, chịu cực nhọc gần 19 năm vẫn giữ trọn lòng trung quân ái quốc; bức Hai dê qua cầu diễn tả hai chú dê húc nhau giữa chiếc cầu cong do chẳng con nào chịu nhường đối phương; bức Mẹ con nhà dê thể hiện sự âu yếm của dê mẹ đối với đứa con hiếu động. Tranh vẽ dê cũng xuất hiện khá sớm, đặc sắc nhất là bức Lục hợp đồng xuân của dòng tranh Hàng Trống (Hà Nội) vẽ cảnh ông già ngắm xem 6 cháu đang nô đùa với dê và bức Bịt mắt bắt dê của làng tranh Đông Hồ (Bắc Ninh) vẽ cảnh một chú dê vừa chạy trốn vừa ngoái nhìn đôi thanh niên nam nữ mắt bịt kín đang lần mò tìm bắt nó. Những thập niên gần đây, tranh dê còn thu hút năng lực sáng tạo của không ít họa sĩ Việt Nam hiện đại, thuộc mọi trường phái, thể hiện dưới nhiều bút pháp. Tiêu biểu nhất là họa sĩ Phạm Văn Tư, đầu năm 1991, anh triển lãm 120 bức tranh vẽ toàn về dê với đủ đề tài, bằng những sáng tạo độc đáo, mới lạ, đem lại nụ cười hóm hỉnh và ấn tượng bất ngờ khó quên cho người xem.